TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HS-ST
Ngày 18/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo

2. Ông Huỳnh Lý Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Vi Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Chung Lệ D (tên gọi khác: Dùng Ché); sinh ngày 03/02/1974; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: xx Công Chúa Ngọc Hân, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chung B và bà Quách H; chồng là Du T; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 18/4/2020 bị Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 11 áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, xã, thị trấn trong thời hạn 3 tháng theo Quyết định số 102/QĐ-UB; nhân thân: Ngày 15/4/2002 bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 03 năm tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 53/HSST. Ngày 08/8/2005 bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa người vào Cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 3355/QĐ-UB. Ngày 11/10/2010 bị Ủy ban nhân dân Quận 11 đưa người vào Cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 1394/QĐ-UB; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Tiền Vĩ M1; sinh ngày 08/4/1976; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: xx Tạ Uyên, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên nhà hàng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Tiền Trung P và bà Trần A; tiền án: Ngày 09/6/1998 bị Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù giam về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 1106/HSST. Bị cáo chưa thi hành phần bồi thường dân sự; tiền sự: Không có. Nhân thân: Ngày 09/6/1993 bị bắt về hành vi "Xuất cảnh, nhập cảnh trái phép"; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thanh M2; sinh ngày 20/8/1981; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: xxx Bình Thới, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh B và bà Trần Thị D; vợ là Lê Thanh T (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2011; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Lê Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn xx, xã xx, huyện Sén Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Trần Thị Dn, sinh năm 1957; địa chỉ: xxx Bình Thới, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Ông Đặng Lý Quốc V, sinh năm 1991; địa chỉ: x Đường số 1, Khu phố x, phường xxxx, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Ông Huỳnh Thanh Tn, sinh năm 1992; địa chỉ: xx Huỳnh Thị Hai, phường xxx, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Ông Sầm Minh Tu, sinh năm 1976; địa chỉ: xx Đường 3/2, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 ngày 03/5/2020, tổ tuần tra Đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 11 tuần tra đến trước số 196/2 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11 thì phát hiện bắt quả tang đối tượng Tiền Vĩ M1 bán ma tuý cho đối tượng Nguyễn Thanh M2. Tổ tuần tra tiến hành kiểm tra túi quần phía trước bên trái của đối tượng Nguyễn Thanh M2 thì phát hiện và thu giữ 01 hộp giấy màu đen bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu nghi là ma túy. Tổ tuần tra đưa cả hai đối tượng về trụ sở Công an Phường 11, Quận 11 và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 39-41).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã tiến hành trưng cầu giám định số ma túy thu giữ trong túi quần trước bên trái của đối tượng Nguyễn Thanh M2. Tại Bản kết luận giám định số 750/KLGĐ-H ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "*Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4808g (không phẩy bốn tám không tám gam), loại Methamphetamine*". (BL 122).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, bị cáo Tiền Vĩ M1 khai nhận là bị cáo đi giao ma tuý cho đối tượng tên Chung Lệ D nên Cơ quan điều tra Công an

Quận 11 đã tiến hành đưa bị cáo Tiền Vĩ M1 đi xác định nơi ở của đối tượng D và phát hiện đối tượng Chung Lệ D đang ngồi ở ghế đá đối diện nhà số xx Công Chúa Ngọc Hân, Phường x, Quận 11. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ một túi vải của đối tượng D, bên trong có 13 gói nylon chứa tinh thể không màu, đối tượng D khai là ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của đối tượng Chung Lệ D tại số xx Công Chúa Ngọc Hân, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và thu giữ được 01 cân điện tử, 01 quẹt gas, 05 ống thủy tinh có đầu phễu tròn, 01 bình gas mini, 50 túi nylon không chứa gì, 01 kẹp gắp là các dụng cụ để phân chia, sử dụng ma tuý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đưa đối tượng D về trụ sở Công an Phường 12, Quận 11 và tiến hành lập biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. (BL 42-43)

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiến hành trưng cầu giám định số ma túy thu được của đối tượng D. Tại Bản kết luận giám định số 751/KLGĐ-H ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "*Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 10,0341g (một không phẩy không ba bốn một gam), loại Methamphetamine*". (BL 125)

Tại Cơ quan điều tra, các bị can khai nhận như sau:

Bị can Nguyễn Thanh M2 khai nhận: Tối ngày 03/5/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị can đã dùng điện thoại liên lạc với bị can Chung Lệ D để hỏi mua 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng. Bị can D đồng ý bán cho bị can Nguyễn Thanh M2 và hẹn Nguyễn Thanh M2 đứng đợi ở trước trường mầm non Sơn Ca Phường 11, Quận 11 để giao ma túy. Bị can Nguyễn Thanh M2 ra điểm hẹn đứng đợi, một lúc sau thì có bị can Tiền Vĩ M1 đến chỗ Nguyễn Thanh M2. Bị can Tiền Vĩ M1 nói bị can Nguyễn Thanh M2 đi theo mình. Khi đến trước số nhà 196/2 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11 thì bị can Vĩ M1 đưa cho bị can Thanh M2 01 hộp giấy màu đen bên trong có 01 gói nylon chứa ma túy đá, bị can Thanh M2 cất vào túi quần trước bên trái rồi đưa cho bị can Vĩ M1 số tiền 200.000 đồng trả tiền mua ma túy. Ngay sau khi thực hiện việc giao dịch mua bán ma túy xong thì cả hai bị Công an bắt quả tang. Ngoài ra trước đó, bị can Nguyễn Thanh M2 đã có 02 lần mua ma túy của bị can Chung Lệ D để sử dụng, lần đầu mua 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng, lần thứ hai mua 01 gói ma túy với giá 150.000 đồng. Người giao ma túy cho bị can Thanh M2 tại hai lần trước là bị can Chung Lệ D, địa điểm giao ma túy là tại trước nhà thờ Thăng Long trên đường Tôn Thất Hiệp thuộc Phường 13, Quận 11 (BL 58-59; 64-69)

Bị can Tiền Vĩ M1 khai nhận: Gói nylon chứa ma túy (để trong 01 hộp giấy màu đen) là của bị can Chung Lệ D đưa cho bị can Vĩ M1 để nhờ mang đi giao cho bị can Thanh M2 và lấy tiền mang về đưa cho bị can D. Đây là lần đầu tiên bị can D nhờ bị can Vĩ M1 đi giao ma túy dùm bị can D. Bị can Vĩ M1 và bị can D có quen biết với nhau từ trước. Khi bị can D nhờ đi giao ma túy thì có đưa xe mô tô của bị can D cho bị can Vĩ M1 sử dụng. Bị can Vĩ M1 đồng ý nhận đi giao ma túy dùm cho bị can D do là chỗ quen biết chứ không được bị can D trả công hay trả lợi ích gì khác. (BL 60-61; 70-75)

Bị can Chung Lệ D khai nhận: Tất cả số ma túy mà Công an thu giữ là của bị can D cất giữ với mục đích để bán lại cho người nghiện kiếm lời. Bị can D khai mới chỉ bán ma tuý cho bị can Thanh M2 được 03 lần vào các ngày rằm âm lịch tháng 11, tháng 12 của năm 2019 và ngày 03/5/2020 khi bị can D nhờ bị can Tiền Vĩ M1 đi giao ma tuý thì bị bắt quả tang. Trong đó, hai lần đầu thì bị can D trực tiếp bán. Lần đầu, bị can D bán cho bị can Thanh M2 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng, lần thứ hai bị can D bán cho bị can Thanh M2 01 gói ma túy với giá 150.000 đồng. Cả hai lần trước, bị can D giao ma tuý cho bị can Thanh M2 tại trước nhà thờ Thăng Long. Ngày 03/5/2020, bị can D đồng ý bán cho bị can Thanh M2 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng, bị can D bỏ 01 gói ma túy vào trong 01 hộp giấy màu đen và nhờ bị can Tiền Vĩ M1 đi giao ma túy giúp mình. Bị can D đưa xe mô tô của mình cho bị can Vĩ M1 để đi giao ma túy cho bị can Thanh M2 và dặn bị can Vĩ M1 lấy tiền bán ma túy về đưa cho mình. Bị can D chỉ nhờ Vĩ M1 đi giao ma túy dùm, không trả công gì cho bị can Vĩ M1. Bị can D khai chưa bán hết số ma tuý nên chưa thu được tiền lời, số tiền 5.500.000 đồng thu giữ của bị can D là tiền cá nhân không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma tuý. Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của bị can D thì bị can khai mua của một người tên Hải (không rõ lai lịch) tại khu vực cầu chữ Y thuộc Quận 8 với giá từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, sau đó bị can mang về chia nhỏ ra bán lại kiếm lời. (BL 62-63; 76-81).

Cơ quan điều tra đã trích xuất đưa bị can D đi xác định địa điểm nơi mua ma túy và xác định người đã bán ma túy cho bị can D. Bị can D xác định địa điểm nơi mua ma túy là tại công viên đối diện cây xăng số 195 Dạ Nam thuộc Phường 3, Quận 8, còn về người đã bán ma túy cho bị can thì bị can D không xác định được. Do bị can D không xác định được người đã bán ma túy cho bị can nên Cơ quan điều tra chưa có đủ cơ sở để làm rõ (BL 100).

Vật chứng của vụ án gồm có:

- Thu giữ của bị can Nguyễn Thanh M2 vật chứng gồm:

+ Một gói niêm phong ghi vụ số 750 bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

+ Một hộp giấy màu đen, một nắp nhựa có gắn một ống thủy tinh đầu phễu tròn và một ống hút dùng để sử dụng ma tuý.

+ Một điện thoại di động hiệu Samsung màu Gold. Đây là điện thoại bị can Thanh M2 sử dụng để liên lạc mua ma túy.

+ Một xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 76V2 – 5208. Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định được chủ sở hữu chiếc xe là ông Lê Văn N. Do xe hư hỏng nên ông N đã cho một người tên Tuấn (không rõ lai lịch). Bị can Thanh M2 khai mượn xe của mẹ là bà Trần Thị Dn để sử dụng. Bà Dn khai mua và sử dụng xe máy biển số 76V2 – 5208 đã lâu nhưng không có giấy tờ có liên quan đến chiếc xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã đăng báo tìm chủ sở hữu của xe trên nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ. (BL 128, 130, 140).

+ Tiền Việt Nam 1.110.000 đồng là tài sản cá nhân của bị can Nguyễn Thanh M2.

- Thu giữ của bị can Tiền Vĩ M1 vật chứng gồm:

+ Một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh. Đây là tài sản cá nhân của bị can Tiền Vĩ M1.

+ Tiền Việt Nam 470.000 đồng (trong đó 200.000 đồng là tiền bán ma tuý).

+ Một xe mô tô kiểu dáng Wave, màu đen, biển số 60Y6 – 1719. Đây là xe bị can D giao cho bị can Vĩ M1 sử dụng để đi giao ma túy giúp bị can D. Bị can D khai chiếc xe trên là do bị can D mượn của một người bạn quen ngoài xã hội (không rõ họ tên, lai lịch) để sử dụng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh qua biển số xe và đã xác định được chủ sở hữu của chiếc xe được cấp theo biển số trên là bà La Quốc H nhưng chiếc xe của bà H có số khung, số máy khác với xe thu giữ. Bà H khai chuyên mua bán xe máy cũ nên đã bán lại chiếc xe có biển số trên nhưng không nhớ bán cho ai và cũng không còn giữ các giấy tờ liên quan đến chiếc xe. Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành xác minh theo số khung, số máy của xe thu giữ thì xác định chiếc xe trên có biển số là 70F9 - 7833, do ông Đặng Phi Tn đứng tên chủ sở hữu. Ông Tn khai đã bán lại chiếc xe trên cho người khác nhưng không nhớ đã bán cho ai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã đăng báo tìm chủ sở hữu của xe trên nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ làm việc. (BL 129, 131, 132, 141).

- Thu giữ của bị can Chung Lệ D vật chứng gồm:

+ Một gói niêm phong ghi vụ số 751 bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

+ Một cân điện tử, một quẹt gas, năm ống thủy tinh đầu phễu tròn, một bình gas mini, năm mươi túi nylon không chứa gì bên trong, một kẹp gắp.

+ Một điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen. Đây là điện thoại bị can D sử dụng để mua bán ma túy.

+ Tiền Việt Nam 5.500.000 đồng là tiền cá nhân của Dung.

Tại Bản cáo trạng số 78/CT-VKSQ11 ngày 26/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị cáo Chung Lệ D tội danh "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, i Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Tiền Vĩ M1 tội danh "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Thanh M2 tội danh "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Chung Lệ D, Tiền Vĩ M1 và Nguyễn Thanh M2 có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Thị Dn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11.

Người làm chứng là các ông Đặng Lý Quốc V, ông Huỳnh Thanh Tn và ông Sầm Minh Tu vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Đề nghị xử phạt bị cáo Chung Lệ D từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Đề nghị xử phạt bị cáo Tiền Vĩ M1 từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh M2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Đề nghị xử lý vật chứng như sau: Tịch thu, tiêu hủy một gói niêm phong ghi vụ số 750 và một gói niêm phong ghi vụ số 751, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định; tịch thu, tiêu hủy một hộp giấy màu đen, một nắp nhựa có gắn một ống thủy tinh đầu phễu tròn, một ống hút nhựa, một quẹt gas, năm ống thủy tinh đầu phễu tròn, một bình gas mini, năm mươi túi nylon, một kẹp gắp; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước một cân điện tử; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước một điện thoại di động hiệu Samsung màu Gold và một điện thoại di động hiệu OPPO màu đen; trả lại cho bị cáo Tiền Vĩ M1 một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh; giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng báo truy tìm chủ sở hữu, trường hợp không truy tìm được chủ sở hữu thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước một xe môtô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 76V2 – 5208 và một xe môtô kiểu dáng Wave, màu đen; tịch thu tiêu hủy một biển số 60Y6-1719; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 số tiền Việt Nam 1.110.000 đồng; trả lại cho bị cáo Tiền Vĩ M1 số tiền Việt Nam 270.000 đồng; trả lại cho bị cáo Chung Lệ D số tiền Việt Nam 5.500.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 21 giờ 00 phút ngày 03/5/2020, tại trước nhà số 196/2 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11, bị cáo Tiền Vĩ M1 đã có hành vi bán cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 một gói ma túy có khối lượng 0,4808g (không phẩy bốn tám không tám gam), loại Methamphetamine với giá là 200.000 đồng.

Bị cáo Tiền Vĩ M1 thực hiện hành vi bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 là do được bị cáo Chung Lệ D nhờ vả; bị cáo không hưởng lợi ích vật chất từ việc bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2.

Bị cáo Chung Lệ D có hành vi thỏa thuận, bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 ba lần. Lần thứ nhất vào ngày 1511/2019 âm lịch, tại trước Nhà thờ Thăng Long, Quận 11, bị cáo Chung Lệ D đã trực tiếp bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 một

gói ma túy với giá là 100.000 đồng. Lần thứ hai vào ngày 1512/2019 âm lịch, tại trước Nhà thờ Thăng Long, Quận 11, bị cáo D đã bán cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 một gói ma túy với giá là 150.000 đồng. Lần thứ ba, vào ngày 03/5/2020, bị cáo D đã thỏa thuận bán một gói ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 với giá là 200.000 đồng nhưng nhờ bị cáo Tiền Vĩ M1 mang đi giao cho bị cáo Nguyễn Thanh M2.

Số ma túy do bị cáo Chung Lệ D cất giữ để bán lại cho người khác được xác định có khối lượng là 10,0341g (một không phẩy không ba bốn một gam), loại Methamphetamine. Tổng cộng số ma túy của bị cáo Chung Lệ D dùng để bán cho đối tượng khác, bao gồm cả số ma túy đã bán cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 có khối lượng 0,4808g (không phẩy bốn tám không tám gam), thì tổng khối lượng ma túy do bị cáo dùng để bán cho người khác là 10,5149 gam (một không phẩy năm một bốn chín gam), loại Methamphetamine.

Vào lúc 21 giờ 00 phút ngày 03/5/2020, tại trước nhà số 196/2 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11, bị cáo Nguyễn Thanh M2 đã có hành vi cất giữ trong túi quần phía trước bên trái một hộp giấy màu đen bên trong có một gói nylon chứa ma túy có khối lượng là 0,4808g (không phẩy bốn tám không tám gam), loại Methamphetamine.

Hành vi của bị cáo Chung Lệ D và bị cáo Tiền Vĩ M1 là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo Chung Lệ D phạm tội với vai trò là chủ mưu, bị cáo Tiền Vĩ M1 phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Chung Lệ D, vì vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt đối với bị cáo Chung Lệ D là nghiêm khắc hơn so với hình phạt sẽ áp dụng đối với bị cáo Tiền Vĩ M1.

Bị cáo Chung Lệ D thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lợi chênh lệch để tiêu xài và sử dụng ma túy.

Bị cáo Tiền Vĩ M1 thực hiện hành vi phạm tội do được bị cáo Chung Lệ D nhờ vả; bị cáo không hưởng lợi ích vật chất từ việc bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2.

Hành vi của các bị cáo Chung Lệ D và Tiền Vĩ M1 là nguy hiểm cho xã hội, đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thanh M2 cất giấu ma túy nhằm mục đích sử dụng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh M2 là nguy hiểm cho xã hội, đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Chung Lệ D, Tiền Vĩ M1 và Nguyễn Thanh M2 đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự xã hội. Các bị cáo hoàn toàn ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Chung Lệ D được xác định là đã thực hiện hoàn thành ba lần bán chất ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2, bao gồm hai lần thực hiện bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 tại trước Nhà thờ Thăng Long, Quận 11 vào các ngày 15/11/2019 âm lịch và ngày 15/12/2019 âm lịch và một lần nhờ bị cáo Tiền Vĩ M1 mang đi giao ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 tại trước nhà số 196/2 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11 vào ngày 03/5/2020. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng khối lượng ma túy mà bị cáo Chung Lệ D cất giữ để bán cho người sử dụng ma túy là 10,5149 gam (một không phẩy năm một bốn chín gam), loại Methamphetamine. Do đó, hành vi của bị cáo Chung Lệ D thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Tiền Vĩ M1 được xác định là đã thực hiện hoàn thành một lần bán chất ma túy cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 tại trước nhà số 196/2 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11 vào ngày 03/5/2020 với khối lượng ma túy là 0,4808g (không phẩy bốn tám không tám gam), loại Methamphetamine. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Chung Lệ D. Do đó, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Thanh M2 được xác định là đã thực hiện hành vi cất giữ chất ma túy tại trước nhà số 196/2 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11 vào ngày 03/5/2020 với khối lượng ma túy là 0,4808g (không phẩy bốn tám không tám gam), loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh M2 đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Tiền Vĩ M1 có một tiền án về tội "Cướp giật tài sản" chưa được xóa án tích nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Chung Lệ D và bị cáo Nguyễn Thanh M2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng là một gói niêm phong ghi vụ số 750 và một gói niêm phong ghi vụ số 751, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, tiêu hủy.

Đối với vật chứng là một hộp giấy màu đen, một nắp nhựa có gắn một ống thủy tinh đầu phễu tròn, một ống hút dùng để sử dụng ma tuý, một quẹt gas, năm ống thủy tinh đầu phễu tròn, một bình gas mini, năm mươi túi nylon không chứa gì bên trong, một kẹp gắp, là những dụng cụ mà bị cáo Nguyễn Thanh M2 và Chung Lệ D dùng để sử dụng ma túy. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, tiêu hủy.

Đối với vật chứng là một cân điện tử, là công cụ bị cáo Chung Lệ D dùng để phân chia mua bán ma túy. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với vật chứng là một điện thoại di động hiệu Samsung màu Gold thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh M2, bị cáo Nguyễn Thanh M2 sử dụng để liên lạc mua ma túy. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với vật chứng là một xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 76V2 – 5208. Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định được chủ sở hữu chiếc xe là ông Lê Văn N. Do xe hư hỏng nên ông N đã cho một người tên Tuấn (không rõ lai lịch). Bị cáo Nguyễn Thanh M2 khai mượn xe của mẹ là bà Trần Thị Dn để sử dụng. Bà Dn khai mua và sử dụng xe máy biển số 76V2 – 5208 đã lâu nhưng không có giấy tờ có liên quan đến chiếc xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã đăng báo tìm chủ sở hữu của xe trên nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ. Hội đồng xét xử xét thấy ông Lê Văn N đã định đoạt quyền sở hữu đối với chiếc xe bằng cách tặng cho người tên Tuấn (không rõ lai lịch); bà Trần Thị Dn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh quyền sở hữu, quản lý hợp pháp đối với chiếc xe nêu trên nên chiếc xe thuộc trường hợp chưa xác định được chủ sở hữu, vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không xác định được chủ sở hữu của chiếc xe nêu trên trong thời hạn luật định thì giải quyết tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với vật chứng là tiền Việt Nam 1.110.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Thanh M2, không có liên quan đến vụ án, căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh M2.

Đối với vật chứng là một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, đây là tài sản cá nhân của bị cáo Tiền Vĩ M1, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, không có liên quan đến vụ án, căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bị cáo Tiền Vĩ M1.

Đối với vật chứng là tiền Việt Nam 470.000 đồng thu giữ của bị cáo Tiền Vĩ M1, trong đó 200.000 đồng là tiền bán ma tuý và 270.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Tiền Vĩ M1, không có liên quan đến vụ án, căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106, điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bị cáo Tiền Vĩ M1 số tiền 270.000 đồng; tịch thu sung, nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng.

Đối với vật chứng là một xe mô tô kiểu dáng Wave, màu đen, biển số 60Y6 – 1719, đây là xe bị cáo Chung Lệ D giao cho bị cáo Tiền Vĩ M1 sử dụng để đi giao ma túy giúp bị cáo D. Bị cáo D khai chiếc xe trên là do bị cáo D mượn của một người bạn quen ngoài xã hội (không rõ họ tên, lai lịch) để sử dụng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh qua biển số xe và đã xác định được chủ sở hữu của chiếc xe được cấp theo biển số trên là bà La Quốc H nhưng chiếc xe của bà H có số khung, số máy khác với xe thu giữ. Bà H khai chuyên mua bán xe máy cũ nên đã bán lại chiếc xe có biển số trên nhưng không nhớ bán cho ai và cũng không còn giữ các giấy tờ liên quan đến chiếc xe. Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành xác minh theo số khung, số máy của xe thu giữ thì xác định chiếc xe trên đã được cấp biển số 70F9 - 7833, do ông Đặng Phi Tn đứng tên chủ sở hữu. Ông Tn khai đã bán lại chiếc xe trên cho người khác nhưng không nhớ đã bán cho ai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã đăng báo tìm chủ sở hữu của xe trên nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ làm việc. Hội đồng xét xử xét thấy biển số 60Y6 – 1719 không được cơ quan có thẩm quyền cấp cho chiếc xe mà bị cáo đang sử dụng nên không được phép lưu hành. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu tiêu hủy. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc xe nêu trên chưa xác định được chủ sở hữu nên giải quyết giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không xác định được chủ sở hữu của chiếc xe nêu trên trong thời hạn luật định thì giải quyết tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với vật chứng là một điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen, đây là điện thoại bị cáo D sử dụng để mua bán ma túy, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với vật chứng là tiền Việt Nam 5.500.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo Chung Lệ D, không có cơ sở để xác định là tài sản do phạm tội mà có hay dùng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bị cáo Chung Lệ D.

[5] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Chung Lệ D, Tiền Vĩ M1 và Nguyễn Thanh M2, điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về xem xét vai trò, trách nhiệm của đối tượng có liên quan trong vụ án:

Đối với đối tượng tên Hải cung cấp ma túy cho bị cáo Chung Lệ D tại khu vực công viên đối diện cây xăng số 195 Dạ Nam thuộc Phường 3, Quận 8, do chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự là có

căn cứ; khi điều tra, truy xét được sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50; điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Chung Lệ D;

Căn cứ vào Điều 50; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Tiền Vĩ M1;

Căn cứ vào Điều 50; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thanh M2;

Tuyên bố bị cáo Chung Lệ D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tuyên bố bị cáo Tiền Vĩ M1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh M2 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Chung Lệ D 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2020.

Xử phạt bị cáo Tiền Vĩ M1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh M2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2020.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy một gói niêm phong ghi vụ số 750 và một gói niêm phong ghi vụ số 751, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 78/ĐCSMT ngày 23/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Tịch thu, tiêu hủy một hộp giấy màu đen, một nắp nhựa có gắn một ống thủy tinh đầu phễu tròn, một ống hút nhựa, một quẹt gas, năm ống thủy tinh đầu phễu tròn, một bình gas mini, năm mươi túi nylon, một kẹp gắp (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước một cân điện tử (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước một điện thoại di động hiệu Samsung màu Gold và một điện thoại di động hiệu OPPO màu đen (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Trả lại cho bị cáo Tiền Vĩ M1 một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự Quận 11 thông báo trong thời hạn 12 tháng để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận đối với một xe môtô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 76V2 – 5208. Quá thời hạn trên kể từ ngày Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự Quận 11 thông báo trong thời hạn 12 tháng để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận đối với một xe môtô kiểu dáng Wave, màu đen. Quá thời hạn trên kể từ ngày Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Tịch thu tiêu hủy một biển số 60Y6-1719 (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 và theo Giấy nộp tiền ngày 15/5/2020 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh M2 số tiền Việt Nam 1.110.000 đồng (một triệu một trăm mười nghìn đồng) (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 và theo Giấy nộp tiền ngày 15/5/2020 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam).

Trả lại cho bị cáo Tiền Vĩ M1 số tiền Việt Nam 270.000 đồng (hai trăm bảy mươi nghìn đồng) (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 và theo Giấy nộp tiền ngày 15/5/2020 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam).

Trả lại cho bị cáo Chung Lệ D số tiền Việt Nam 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 54/LNK ngày 06/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 và theo Giấy nộp tiền ngày 15/5/2020 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Cơ Dũng